

**NGHỊ QUYẾT**

**Về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất,  
chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 09 tháng 12 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét các Tờ trình số 3681/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020, 3889/TTr-  
UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị bổ sung danh  
mục thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020  
của các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Nam Trà My, Quế Sơn, Phước Sơn,  
Thăng Bình, Tiên Phước, Hiệp Đức, Tây Giang, Núi Thành, Đại Lộc, Phú Ninh,  
Đông Giang, Điện Bàn, Hội An; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày 13 tháng  
7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo  
luận của đại biểu tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất  
lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020, cụ thể như sau:

1. Bổ sung 78 danh mục dự án thu hồi đất với tổng diện tích 459,18 ha. Trong đó:

a) 47 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước với diện tích 139,10 ha (đất  
chuyên trồng lúa nước 6,36 ha, đất lúa nước còn lại 4,1 ha).

b) 31 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước với tổng diện tích  
320,08 ha (đất chuyên trồng lúa nước 23,68 ha, đất trồng lúa nước còn lại 1,61 ha,  
đất rừng phòng hộ 5,43 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục thu hồi đất năm 2020	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ				
				Tổng	Trong đó:			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78</b>	<b>459,18</b>	<b>41,19</b>	<b>30,05</b>	<b>5,71</b>	<b>5,43</b>	<b>-</b>
*	<i>Vốn ngân sách</i>	<i>47</i>	<i>139,10</i>	<i>10,46</i>	<i>6,36</i>	<i>4,1</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
*	<i>Vốn ngoài ngân sách</i>	<i>31</i>	<i>320,08</i>	<i>30,72</i>	<i>23,68</i>	<i>1,61</i>	<i>5,43</i>	<i>-</i>
<b>1</b>	<b>HUYỆN DUY XUYÊN</b>	<b>2</b>	<b>0,78</b>	<b>0,68</b>	<b>0,68</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Vốn ngân sách	2	0,78	0,68	0,68	-	-	-
1.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY</b>	<b>16</b>	<b>112,40</b>	<b>12,10</b>	<b>1,36</b>	<b>5,31</b>	<b>5,43</b>	<b>-</b>
2.1	Vốn ngân sách	15	89,28	4,16	0,16	4,00	-	-
2.2	Vốn ngoài ngân sách	1	23,12	7,94	1,20	1,31	5,43	-
<b>3</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN</b>	<b>5</b>	<b>13,10</b>	<b>0,20</b>	<b>0,10</b>	<b>0,10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
3.1	Vốn ngân sách	4	2,90	0,20	0,10	0,10	-	-
3.2	Vốn ngoài ngân sách	1	10,20	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>34</b>	<b>284,63</b>	<b>24,54</b>	<b>24,54</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
4.1	Vốn ngân sách	8	4,67	3,06	3,06	-	-	-
4.2	Vốn ngoài ngân sách	26	279,96	21,48	21,48	-	-	-
<b>5</b>	<b>HUYỆN THĂNG BÌNH</b>	<b>1</b>	<b>3,50</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
5.1	Vốn ngân sách	1	3,50	1,00	1,00	-	-	-
5.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>6</b>	<b>HUYỆN TIỀN PHƯỚC</b>	<b>1</b>	<b>1,00</b>	<b>0,95</b>	<b>0,65</b>	<b>0,30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
6.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
6.2	Vốn ngoài ngân sách	1	1,00	0,95	0,65	0,30	-	-
<b>7</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC</b>	<b>6</b>	<b>3,31</b>	<b>1,26</b>	<b>1,26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
7.1	Vốn ngân sách	5	1,31	0,91	0,91	-	-	-
7.2	Vốn ngoài ngân sách	1	2,00	0,35	0,35	-	-	-
<b>8</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG</b>	<b>2</b>	<b>5,07</b>	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
8.1	Vốn ngân sách	2	5,07	0,25	0,25	-	-	-
8.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>9</b>	<b>HUYỆN NÚI THÀNH</b>	<b>2</b>	<b>20,004</b>	<b>0,0004</b>	<b>0,0004</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
9.1	Vốn ngân sách	2	20,004	0,0004	0,0004	-	-	-
9.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>10</b>	<b>HUYỆN ĐẠI LỘC</b>	<b>1</b>	<b>3,80</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
10.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
10.2	Vốn ngoài ngân sách	1	3,80	-	-	-	-	-
<b>11</b>	<b>HUYỆN PHÚ NINH</b>	<b>1</b>	<b>0,05</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
11.1	Vốn ngân sách	1	0,05	-	-	-	-	-
11.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>12</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG</b>	<b>7</b>	<b>11,53</b>	<b>0,20</b>	<b>0,20</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
12.1	Vốn ngân sách	7	11,53	0,20	0,20	-	-	-
12.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

(chi tiết phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung 45 danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ với tổng diện tích 64,45 ha (đất chuyên trồng lúa nước 48,31 ha, đất trồng lúa nước còn lại 5,71 ha, đất rừng phòng hộ 10,63 ha). Trong đó:

a) 24 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước với diện tích 10,68 ha (đất chuyên trồng lúa nước 6,78 ha, đất trồng lúa nước còn lại 4,1 ha).

b) 21 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước với diện tích 53,76 ha (đất chuyên trồng lúa nước 41,52 ha, đất trồng lúa nước còn lại 1,61 ha, đất rừng phòng hộ 10,63 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ				
				Tổng	Trong đó:			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45</b>	<b>233,49</b>	<b>64,45</b>	<b>48,31</b>	<b>5,71</b>	<b>10,63</b>	<b>-</b>
*	<i>Vốn ngân sách</i>	<i>24</i>	<i>56,30</i>	<i>10,68</i>	<i>6,78</i>	<i>4,10</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
*	<i>Vốn ngoài ngân sách</i>	<i>21</i>	<i>177,19</i>	<i>53,76</i>	<i>41,52</i>	<i>1,61</i>	<i>10,63</i>	<i>-</i>
<b>1</b>	<b>HUYỆN DUY XUYÊN</b>	<b>2</b>	<b>0,78</b>	<b>0,68</b>	<b>0,68</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Vốn ngân sách	2	0,78	0,68	0,68	-	-	-
1.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>HUYỆN NAM TRÀ MY</b>	<b>5</b>	<b>62,15</b>	<b>12,10</b>	<b>1,36</b>	<b>5,31</b>	<b>5,43</b>	<b>-</b>
2.1	Vốn ngân sách	4	39,03	4,16	0,16	4,00	-	-
2.2	Vốn ngoài ngân sách	1	23,12	7,94	1,20	1,31	5,43	-
<b>3</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN</b>	<b>2</b>	<b>2,32</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
3.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Vốn ngoài ngân sách	2	2,32	2,00	2,00	-	-	-
<b>4</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN</b>	<b>2</b>	<b>6,20</b>	<b>5,40</b>	<b>0,10</b>	<b>0,10</b>	<b>5,20</b>	<b>-</b>
4.1	Vốn ngân sách	1	1,00	0,20	0,10	0,10	-	-
4.2	Vốn ngoài ngân sách	1	5,20	5,20	-	-	5,20	-
<b>5</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>21</b>	<b>91,48</b>	<b>29,45</b>	<b>29,45</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
5.1	Vốn ngân sách	8	5,43	3,48	3,48	-	-	-
5.2	Vốn ngoài ngân sách	13	86,05	25,97	25,97	-	-	-
<b>6</b>	<b>HUYỆN THẮNG BÌNH</b>	<b>1</b>	<b>3,50</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
6.1	Vốn ngân sách	1	3,50	1,00	1,00	-	-	-
6.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>7</b>	<b>HUYỆN TIỀN PHƯỚC</b>	<b>1</b>	<b>1,00</b>	<b>0,95</b>	<b>0,65</b>	<b>0,30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
7.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
7.2	Vốn ngoài ngân sách	1	1,00	0,95	0,65	0,30	-	-
<b>8</b>	<b>THÀNH PHỐ HỘI AN</b>	<b>1</b>	<b>43,00</b>	<b>7,30</b>	<b>7,30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
8.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
8.2	Vốn ngoài ngân sách	1	43,00	7,30	7,30	-	-	-
<b>9</b>	<b>HUYỆN HIỆP ĐỨC</b>	<b>6</b>	<b>3,31</b>	<b>1,26</b>	<b>1,26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
9.1	Vốn ngân sách	5	1,31	0,91	0,91	-	-	-
9.2	Vốn ngoài ngân sách	1	2,00	0,35	0,35	-	-	-
<b>10</b>	<b>HUYỆN TÂY GIANG</b>	<b>1</b>	<b>5,04</b>	<b>0,25</b>	<b>0,25</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

10.1	Vốn ngân sách	1	5,04	0,25	0,25	-	-	-
10.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
<b>11</b>	<b>HUYỆN NÚI THÀNH</b>	<b>2</b>	<b>14,50</b>	<b>4,05</b>	<b>4,05</b>	-	-	-
11.1	Vốn ngân sách	1	0,0036	0,0004	0,0004	-	-	-
11.2	Vốn ngoài ngân sách	1	14,50	4,05	4,05	-	-	-
<b>12</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG GIANG</b>	<b>1</b>	<b>0,20</b>	<b>0,00</b>	<b>0,20</b>	-	-	-
12.1	Vốn ngân sách	1	0,20	0,00	0,20	-	-	-
12.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

(chi tiết phụ lục II đính kèm)

## Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các danh mục dự án tại khoản 1, 2 Điều 1 theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Các danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất liên quan đến rừng tự nhiên thực hiện theo đúng Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ và Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát các danh mục dự án, phân diện tích không đảm bảo quy định, đánh giá tác động về mặt kinh tế - xã hội, thực trạng đất lúa, xem xét tính khả thi của từng dự án cụ thể trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp sau, cụ thể:

a) 04 danh mục dự án thu hồi đất sử dụng vốn ngoài ngân sách với tổng diện tích 164,64 ha (đất chuyên trồng lúa nước 10,62 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục dự án thu hồi đất năm 2020 sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước	Số lượng danh mục	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
				Tổng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>04</b>	<b>164,64</b>	<b>10,62</b>	<b>10,62</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN</b>	<b>01</b>	<b>1,62</b>	<b>1,62</b>	<b>1,62</b>	-	-	-
<b>2</b>	<b>HUYỆN PHƯỚC SƠN</b>	<b>02</b>	<b>15,3</b>	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>01</b>	<b>147,72</b>	<b>9,0</b>	<b>9,0</b>	-	-	-

(chi tiết phụ lục III đính kèm)

b) 02 danh mục chuyển mục đích sử dụng đất sử dụng vốn ngoài ngân sách với diện tích 10,62 ha (đất chuyên trồng lúa nước 10,62 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2020 sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước	Số lượng danh mục	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
				Tổng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>02</b>	<b>149,34</b>	<b>10,62</b>	<b>10,62</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>HUYỆN QUẾ SƠN</b>	<b>01</b>	<b>1,62</b>	<b>1,62</b>	<b>1,62</b>	-	-	-
<b>2</b>	<b>THỊ XÃ ĐIỆN BÀN</b>	<b>01</b>	<b>147,72</b>	<b>9,0</b>	<b>29,0</b>	-	-	-

(chi tiết phụ lục IV đính kèm)

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, rà soát, thẩm định chặt chẽ các danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo thông tin về chủ trương đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tính khả thi của từng dự án, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đúng thẩm quyền thu hồi đất trước khi trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nghiêm túc việc cho ý kiến bằng văn bản đối với các danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi trình cơ quan cấp trên; tăng cường giám sát công tác quản lý, sử dụng đất tại địa phương.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

---

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2020./.*

#### **Nơi nhận<sup>1</sup>:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- BTVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố: Duy Xuyên, Phú Ninh, Thăng Bình, Nam Trà My, Hội An, Quế Sơn, Phước Sơn, Điện Bàn, Đông Giang, Núi Thành, Tây Giang, Hiệp Đức, Tiên Phước, Đại Lộc;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH tỉnh Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH (Thủy).

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**

---

<sup>1</sup> Gửi qua trực văn bản liên thông.

